

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 06 - 2022

V/v tranh chấp “ Về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Năng Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Khúc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “ Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1981 (*có mặt*).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn T, sinh năm: 1979 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp 5, xã VB, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Vào năm 2005, có tự nguyện kết hôn với anh Huỳnh Văn T và đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn nên dẫn đến ly hôn. Tại Quyết định

công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 261/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp Quyết định chị T và anh T thuận tình ly hôn. Về con chung thì chị T trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Ngọc B C, sinh ngày 29/ 10/2007, còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh H N, sinh ngày 18/ 07/2009. Nhưng nay chị T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với Huỳnh H N. Bởi vì, sau khi ly hôn anh T không có việc làm, thu nhập không ổn định, cuộc sống kinh tế nhờ vào cha mẹ ruột, anh T không quan tâm chăm sóc đến con nên con thường xuyên bị bệnh. Mặt khác, trong thời gian cháu N sống chung với anh T, thì anh T có yêu cầu chị T chuyển tiền cho anh T thì anh T sẽ giao con cho chị T nuôi dưỡng. Sau đó, chị T chuyển tiền cho anh T nhưng anh T không thực hiện việc giao con. Nay chị T khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con đối với Huỳnh H N, chị T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 07/03/2022, biên bản ghi lời khai ngày 26/05/2022, bản tự khai ngày 02/06/2022 và tại phiên tòa, bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Thừa nhận có kết hôn với Nguyễn Thị Thu T. Quá trình chung sống có 02 con chung. Đến ngày 14/11/2019 thì ly hôn, về con chung có thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Ngọc B C, sinh ngày 29/10/2007, còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh H N, sinh ngày 18/07/2009. Khoảng tháng 7 năm 2021 chị T có đón cháu N về ngoại chơi rồi giữ ở lại và trốn tránh anh T. Ngày 06/10/2021, anh T yêu cầu Chi cục Thi hành án huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cho thi hành buộc chị T phải giao con Huỳnh H N cho anh T nuôi dưỡng. Anh T khẳng định rất thương con và chăm sóc con tốt, kết quả học tập của cháu N đều đạt danh hiệu Học sinh tiên tiến. Ngoài ra, anh T còn cung cấp thông tin chị T đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên không đủ điều kiện để chăm sóc các con chung B C và H N. Ngoài ra, anh T khẳng định không có việc nhận tiền để giao con. Nay anh T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T về việc thay đổi người nuôi con đối với Huỳnh H N.

Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện anh Huỳnh Văn T về việc tranh chấp “*thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng trình bày quan điểm:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người nuôi con sau ly hôn đối với Huỳnh H N. Xét thấy, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con Huỳnh H N đã đảm bảo các điều kiện về sinh sống và học tập. Việc chị T cho rằng anh T không có nguồn thu nhập ổn định để nuôi con và chăm sóc con không tốt, nhưng anh T cho rằng việc cháu N bị viêm

mũi là do dị ứng, hiện nay chữa trị đã hết, anh T cung cấp thông tin chị T đang nuôi con nhỏ. Đồng thời, cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha Huỳnh Văn T. Do đó, căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “*về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” là đúng thủ tục tố tụng và thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 261/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp về việc chị T và anh T thuận tình ly hôn. Về con chung, chị T trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Ngọc B C, sinh ngày 29/10/2007, anh T trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh H N, sinh ngày 18/7/2009. Nhưng nay chị T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với Huỳnh H N.

Chị T cho rằng anh T không quan tâm, chăm sóc con nên để cháu N thường xuyên bị bệnh, anh T không có thu nhập ổn định nên điều kiện chăm sóc con cũng không được tốt. Anh T yêu cầu chị chuyển tiền cho anh T để anh T giao con cho chị nuôi dưỡng. Xét thấy, lời trình bày của chị T chưa đủ cơ sở, vì anh T không thừa nhận việc thỏa thuận nhận tiền của chị T để giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh T cung cấp cho Tòa án về kết quả học tập của cháu N 02 năm liền đều đạt danh hiệu “*Học sinh tiên tiến*”, về sức khỏe cháu N thì anh T cho cháu đi khám thì xác định sức khỏe bình thường. Đồng thời, anh T cung cấp thông tin chị T đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, được chị T thừa nhận, anh T cung cấp thông tin anh vẫn mua bán kinh doanh và làm ruộng, có thu nhập ổn định và khẳng định có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con. Mặt khác, cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh T. Như vậy, yêu cầu của chị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với Huỳnh H N là chưa đủ căn cứ theo Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Huỳnh Văn T về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003129 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng; Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Huỳnh Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/ Huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- UBND xã VB;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hựu